TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Quân;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 23/2024/TLST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A (Việt Nam); địa chỉ: Số C V, Khu công nghiệp V - S, khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Phương Q, sinh năm 1999; địa chỉ: 3 khu C, tổ C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH N1; địa chỉ: thửa đất số 350,354 tờ bản đồ số 14, khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh N; Chức danh: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH A (Việt Nam) và Công ty TNHH N1 có ký Hợp đồng nguyên tắc số HDMT-MN-0102122021 ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc mua bán hàng hóa. Nội dung, Công ty TNHH A (Việt Nam) cung cấp ván cho Công ty TNHH N1 theo từng đơn đặt hàng cụ thể được hai bên thỏa thuận và chấp nhận. Giá sẽ được thực hiện theo sự thỏa thuận của từng đơn hàng và xác nhận của hai bên, đơn đặt hàng là bản gốc, hoặc fax, email, qua điện thoại,… Phương thức và điều kiện thanh toán bên mua phải thanh toán 100% giá trị tiền hàng cho bên bán sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng và nhận hóa đơn bán hàng.

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc nguyên đơn đã giao hàng đúng và đủ theo đơn đặt hàng của bị đơn cụ thể tại hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản giao hàng Công ty TNHH N1 xác nhận đã nhận đủ số lượng hàng hóa trong điều kiện và chất lượng đạt yêu cầu.

Tuy nhiên, Công ty TNHH N1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Tại bảng xác nhận công nợ ngày 30/11/2023 Công ty TNHH N1 xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hàng 429.189.040 đồng. Nguyên đơn đã đề nghị bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Việc nợ tiền mua hàng kéo dài làm ảnh hưởng đến nguồn tiền và hoạt động sản xuất của nguyên đơn.

Vì vậy, Công ty TNHH A (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty TNHH N1 phải trả Công ty TNHH A (Việt Nam) số tiền nợ gốc mua hàng 429,189,040đ.

2. Buộc Công ty TNHH N1 phải trả cho Công ty TNHH A (Việt Nam) tiền lãi do chậm trả phát sinh trên nợ gốc mua hàng với mức lãi 10%/năm từ ngày phát sinh lãi chậm trả tạm tính đến ngày 14/3/2024 với số tiền 62.943.729 đồng.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày bị đơn đã thanh toán một phần tiền nợ gốc nên nguyên đơn yêu cầu:

1. Buộc Công ty TNHH N1 phải trả cho Công ty TNHH A (Việt Nam) số tiền nợ gốc mua hàng 388.456.720 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH N1 phải trả cho Công ty TNHH A (Việt Nam) tiền lãi do chậm trả phát sinh trên nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 là 69 972 216 đồng được tính tròn từ ngày phát sinh lãi chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm 08/05/2024 như sau :

1/ Hóa đơn số 708 ngày 18/07/2022 số tiền 190.732.320 đồng. Ngày 29/03/2024 thanh toán 10.732.320 đồng. Ngày 19/04/2024 thanh toán 20.000.000 đồng còn nợ lại 160.000.000 đồng. Lãi chậm trả được tính trên nợ gốc 190.732.320 đồng từ ngày 18/08/2022 đến 28/03/2024 (588 ngày) là

31.152.946 đồng. Lãi chậm trả được tính trên nợ gốc 180.000.000 đồng tính từ ngày 29/03/2024 đến 18/04/2024 (20 ngày) là 1.000.000 đồng. Lãi chậm trả được tính trên nợ gốc 160.000.000 đồng tính từ ngày 19/04/2024 đến 08/05/2024 (19 ngày) là 844.444 đồng. Tổng cộng 32.977.390 đồng.

2/ Hóa đơn số 745 ngày 22/07/2022 số tiền 96.301.440 đồng, lãi chậm trả tính từ ngày 22/08/2022 đến ngày 08/05/2024 (20 tháng) là 16.050.240 đồng.

3/ Hóa đơn số 938 ngày 26/08/2022 số tiền 132.155.280 đồng, lãi chậm trả tính từ ngày 26/09/2022 đến 08/05/2024 (19 tháng) là 20.924.586 đồng.

4/ Hóa đơn số 1415 ngày 19/11/2022 số tiền 52.975.080 đồng, đã thanh toán đợt 1 ngày 17/10/2023 số tiền 22.975.080 đồng (đã bao gồm phí ngân hàng) và thanh toán đợt 2 ngày 28/11/2023 số tiền 20.000.000 đồng (đã bao gồm phí ngân hàng). Ngày 29/03/2024 đã thanh toán 10.000.000đ để quyết toán toàn bộ số tiền nợ hóa đơn 1415.

Tổng cộng: 458.428.936 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng đã trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn về việc mua bán hàng hóa giữa hai Công ty TNHH A (Việt Nam) và Công ty TNHH N1. Ngày 01/12/2021 hai bên có ký Hợp đồng nguyên tắc số HDMT-MN-0102122021 về việc mua bán hàng hóa có nội dung: Công ty TNHH N1 mua mặt hàng ván ép của Công ty TNHH A (Việt Nam), việc cung cấp sẽ được thực hiện theo từng đơn đặt hàng cụ thể được hai bên thỏa thuận và chấp nhận. Giá cả sẽ được thực hiện theo sự thỏa thuận của từng đơn hàng và xác nhận của hai bên, đơn đặt hàng là bản gốc, hoặc fax, email, qua điện thoại,… Phương thức và điều kiện thanh toán bên mua phải thanh toán 100% giá trị tiền hàng cho bên bán sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng và nhận hóa đơn bán hàng. Do tình hình làm ăn khó khăn nên bị đơn vẫn chưa thanh toán hết tiền cho nguyên đơn theo các đơn đặt hàng và hóa đơn giá trị gia tăng như nguyên đơn cung cấp. Tại bảng xác nhận công nợ ngày 30/11/2023 Công ty TNHH N1 xác nhận còn nợ Công ty TNHH A (Việt Nam) số tiền hàng 429.189.040 đồng . Bị đơn đồng ý thanh toán nợ gốc 429.189.040 đồng. Đối với số tiền nợ lãi thì đề nghị nguyên đơn miễn cho bị đơn do bị đơn đang gặp nhiều khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH A khởi kiện Công ty TNHH N1 liên quan đến hợp đồng mua bán hàng nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH N1 có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 01/12/2021, hai bên ký hợp đồng nguyên tắc cung cấp hàng hóa "ván". Công ty TNHH A đã giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty TNHH N1 việc giao hàng có lập phiếu xuất hàng có ký xác nhận của hai bên. Công ty TNHH A đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Ngày 30/11/2023, Công ty TNHH N1 đã xác nhận nợ 429.189.040 đồng và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán 40.632.684 đồng nên thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc nguyên đơn thành toán tiền nợ gốc là 388.456.720 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc theo mức lãi quy đinh tại Điều 357 Bộ luật Dân sự là 10%/năm thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 12,8%/năm. Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng "Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán 100% giá trị tiền hàng cho Bên A sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng và nhận hóa đơn bán hàng". Hai bên không thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty TNHH N1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH N1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền nợ gốc là 388.456.720 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán 69.972.216 đồng (Sáu mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười sáu đồng). Tổng cộng: 458.428.936 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH N1 phải chịu án phí sơ thẩm là 22.337.157 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).

3.2. Công ty TNHH A không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.699.500 đồng (Mười một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0001906 ngày 30/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản ản trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: HS, VT.

Võ Thị Hồng Thêm